TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2023/DS-PT
Ngày: 16-02-2023
V/v: Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Vũ

Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Tiên

Bà Dương Thúy Hằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Khúc Tân Nam - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 381/2022/TLPT-DS, ngày 02 tháng 11 năm 2022, về *"Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại"*; do Bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2022/DS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh bị kháng nghị;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 415/2022/QĐ-PT, ngày 02 tháng 12 năm 2022; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Hồ Thanh T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Khu phố T1, thị trấn T2, huyện T3, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Phạm Thị Kim D, sinh năm: 1982. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp D1, xã D2, huyện D3, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn*:

1. Bà Trần Thị P, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Ấp P1, xã P2, huyện T3, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1936.

Địa chỉ: Ấp P1, xã P2, huyện T3, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

3. Anh Hồ Hữu V, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Ấp P1, xã P2, huyện T3, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

4. Anh Hồ Hữu V, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Ấp P1, xã P2, huyện T3, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:* Anh T yêu cầu bà P và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông S là bà B, anh V và anh V trả lại cho Anh T tiền đặt cọc là 50.000.000 (năm chục triệu) đồng và phạt cọc 50.000.000 (năm chục triệu) đồng, tổng cộng là 100.000.000 đồng. Cụ thể:

Vào ngày 23-7-2013 Anh T có thỏa thuận nhận chuyển nhượng của ông S và bà P phần đất có diện tích chiều ngang 4m, chiều dài 28m, tọa lạc Ấp P1, xã P2, huyện T3, tỉnh Tây Ninh, giá 33.000.000 đồng/01m ngang, giá trị phần đất nhận chuyển nhượng là 132.000.000 đồng. Anh T đặt cọc trước 50.000.000 đồng và thỏa thuận khi nào làm thủ tục sang tên xong thì Anh T sẽ trả hết số tiền còn lại. Việc thỏa thuận nêu trên hai bên có làm giấy bằng chứng do ông S ký tên. Ông S giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Anh T được khoảng 20 ngày thì bà P mượn lại và cho rằng để bà tiến hành làm thủ tục sang tên nhưng sau đó không thực hiện, Anh T có nhắc nhở nhiều lần nhưng bà P cứ hẹn mà không thực hiện. Hiện tại ông S đã chết và bà P cũng không đồng ý thực hiện theo thỏa thuận trong giấy bằng chứng ngày 23-7-2013.

Do đó Anh T yêu cầu bà P và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông S là bà Ba, anh V, anh V có nghĩa vụ trả lại cho Anh T tiền đặt cọc là 50.000.000 (năm chục triệu) đồng và phạt cọc 50.000.000 (năm chục triệu) đồng.

Trường hợp, hợp đồng đặt cọc vô hiệu thì Anh T yêu cầu bà P và người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông S bồi thường cho Anh T, vì số tiền mà Anh T đã giao cho ông S từ năm 2013, so với thời điểm hiện nay số tiền nêu trên bị mất giá trị gây thiệt hại cho anh nên anh yêu cầu bồi thường bằng việc tính lãi suất theo quy định của pháp luật 10%/ năm, tính từ ngày 23/7/2013 đến ngày 23/7/2022 (09 năm). Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- *Bị đơn bà Trần Thị P trình bày:* Tại các biên bản lấy lời khai, bà thừa nhận ông S có thỏa thuận chuyển nhượng phần đất và nhận tiền đặt cọc như phía Anh T trình bày. Tuy nhiên trước đây khi ông S chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho Anh T bà không biết, sau đó bà biết nhưng bà không có ý kiến gì. Bà chỉ biết ông S

có nhận tiền cọc 50.000.000 đồng hai bên có làm giấy tờ do ông S ký tên. Sau khi giao tiền cọc và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xong, Anh T im lặng không tiến hành làm thủ tục chuyển nhượng sang tên cũng không trả số tiền còn lại nên bà mới nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ Anh T. Hiện tại ông S đã chết, bà và ông S chung sống có 04 người con: Hồ Minh T (chết năm 2020 không có vợ con); Hồ Thị R (chết năm 2021 không có chồng con); Hồ Hữu Vinh (hiện đang sống cùng với bà) và Hồ Hữu Vĩnh (đang chấp hành án). Việc mua bán đất các con bà không liên quan. Bà chỉ đồng ý trả lại tiền đặt cọc cho Anh T mà không đồng ý phạt cọc cũng như bồi thường thiệt hại khi hợp đồng vô hiệu. Vì phần đất trên là do bà đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông S chuyển nhượng không có sự đồng ý của bà, hơn nữa Anh T mua đất từ năm 2013, chỉ đặt cọc số tiền 50.000.000 đồng rồi bỏ luôn cho đến nay, trước và sau thời điểm ông S chết Anh T không đến gặp thỏa thuận bàn bạc việc chuyển nhượng. Đồng thời bà yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với hợp đồng đặt cọc mà Anh T khởi kiện bà.

- *Bị đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:* Bà là mẹ ruột của ông S, khi còn sống bà có nghe ông S nói lại có chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng bà không biết rỏ chuyển nhượng cho người nào. Đối với yêu cầu của Anh T bà không đồng ý vì bà không có hưởng tài sản gì của ông S nên bà cũng không có trách nhiệm gì đối với nghĩa vụ của Sợi. Khi còn sống ông S bán đất, nhận tiền đặt cọc để chi phí cho gia đình ông S nên bà không liên quan gì trong vụ án này.

- *Bị đơn anh Hồ Hữu V trình bày:* Anh là con ruột của ông S, bà P, anh không biết việc chuyển nhượng giữa cha mẹ anh với Anh T như thế nào nên anh không có ý kiến gì về việc chuyển nhượng và đồng ý theo ý kiến của mẹ anh là bà P.

- *Bị đơn anh Hồ Hữu V:* Anh V đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt nên không có lời trình bày.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2022/DS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hồ Thanh T về trả lại tiền đặt cọc và phạt cọc số tiền là 100.000.000 đồng đối với bà Trần Thị P, bà Nguyễn Thị B, anh Hồ Hữu V và anh Hồ Hữu V.

Tuyên bố hợp đồng đặt cọc (Giấy bằng chứng ngày 23-7-2013) giữa anh Hồ Thanh T với ông Hồ Văn Sợi là vô hiệu.

Buộc bà Trần Thị P, bà Nguyễn Thị B, anh Hồ Hữu V và anh Hồ Hữu V có nghĩa vụ liên đới trả cho Anh T số tiền 72.500.000 đồng trong phạm vi di sản do ông Hồ Văn Sợi để lại.

Án phí: Buộc Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà P, bà Ba, anh V và anh V có nghĩa vụ liên đới chịu 3.625.000 đồng đồng trong phạm vi di sản do ông S để lại.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 31tháng 8 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh kháng nghị, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm về nghĩa vụ trả tiền và án phí.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Viện kiểm sát rút phần kháng nghị về điều chỉnh lãi suất 10% xuống còn 09%. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận các nội dung kháng nghị khác của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn không kháng cáo. Ngày 31-8-2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu có quyết định số 51/QĐ-VKS-DS ngày 31-8-2022, kháng nghị bản án sơ thẩm dân sự sơ thẩm số 31/2022/DS-ST ngày 19-8-2022 đề nghị xem xét lại mức lãi suất án sơ thẩm tính 10%/năm, cần tính lại lãi suất là 09%/năm vì lãi chậm trả thời điểm xác lập giao dịch là năm 2013, tính lại án phí cho bị đơn không phải là án phí có giá ngạch. Bản án sơ thẩm buộc người thừa kế của ông S có nghĩa vụ liên đới là giải quyết không đúng quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 615 Bộ luật Dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện của nguyên đơn có đơn xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát thấy rằng: Ngày 23-7-2013, Anh T và ông S ký "Giấy làm bằng", hai bên thỏa thuận Anh T mua phần đất của vợ chồng bà P, diện tích 04m x28m giá 132.000.000 đồng, anh Phương đặt cọc trước 50.000.000 đồng. Sau khi giấy tờ bàn giao xong hết, Anh T trả hết phần tiền còn lại 82.000.000 đồng. Từ ngày ký giấy làm bằng đến ngày 05-11-2019, ông S chết, hai bên chưa thực hiện hợp đồng. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại tiền cọc 50.000.000 đồng và bồi thường (phạt cọc) bằng việc tính lãi theo quy định pháp luật 10%/năm. Số tiền đặt cọc 50.000.000 đồng giữa Anh T và ông S không có thỏa thuận về lãi suất. Án sơ thẩm xem xét quyền lợi của hai bên đương sự đã tính lãi suất 10%/năm. Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu kháng nghị yêu cầu cấp phúc thẩm tính lại lãi suất 09%/năm lãi chậm trả vì thời điểm xác lập giao dịch năm 2013. Tại phiên tòa phúc thẩm, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninhh rút kháng nghị về phần đề nghị

điều chỉnh lãi suất từ 10% xuống còn 09%/năm của số tiền 50.000.000 đồng. Hội đồng xét xử chấp nhận việc Viện kiểm sát rút kháng nghị phần này.

Xét kháng nghị của Viện kiểm sát về phần án phí của bị đơn: Theo hồ sơ, các bị đơn đồng ý trả lại cho nguyên đơn tiền cọc 50.000.000 đồng nên án phí các bị đơn phải chịu án phí không có giá ngạch là 300.000 đồng. Án sơ thẩm tính án phí có giá ngạch 05% là không phù hợp với khoản 4 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016. Bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch 05% đối với phần bồi thường (phạt cọc) số tiền 22.500.000 đồng, án phí là 1.125.000 đồng. Tổng cộng các bị đơn phải chịu án phí là 1.425.000 đồng. Do vậy chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát, sửa phần án phí của các bị đơn.

Kháng nghị của Viện kiểm sát cho rằng Bản án sơ thẩm buộc thừa kế của ông S có nghĩa vụ liên đới là giải quyết không đúng quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 615 Bộ luật Dân sự 2015. Thấy rằng tại khoản 1 Điều 615 quy định: Những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Như vậy, luật không quy định người hưởng thừa kế có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại; có cơ sở chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát về phần này.

Trong phần nhận định và quyết định của bản án sơ thẩm có mâu thuẫn: Án tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh T về trả lại tiền đặt cọc và phạt cọc số tiền 100.000.000 đồng; nhưng lại buộc bà P, bà Ba, anh V, anh V có nghĩa vụ liên đới trả cho Anh T 72.500.000 đồng, cấp so thẩm đã chấp nhận yêu cầu đòi tiền cọc 50.000.000 đồng và bồi thường (phạt cọc) 22.500.000 đồng; cấp phúc thẩm điều chỉnh cách tuyên án cho phù hợp, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Các bị đơn phải chịu án phí là 1.425.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 218, 328, 615; điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát và rút một phần kháng nghị của Viện kiểm sát về phần tính lại lãi suất.

Sửa một phần bản án sơ thẩm.

Đình chỉ xét xử phần kháng nghị của Viện kiểm sát về tính lại lãi suất.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hồ Thanh T đối với bà Trần Thị P, bà Nguyễn Thị B, anh Hồ Hữu V, anh Hồ Hữu V đòi tiền cọc 50.000.000 đồng và bồi thường (phạt cọc) theo lãi suất 10%/năm số tiền 52.000.000 đồng.

Buộc bà Trần Thị P, bà Nguyễn Thị B, anh Hồ Hữu V và anh Hồ Hữu V có nghĩa vụ trả cho Anh T số tiền 72.500.000 (bảy mươi hai triệu năm trăm nghìn) đồng trong phạm vi di sản do ông Hồ Văn Sợi để lại.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thanh toán xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp 2.500.000 đồng theo biên lai thu số 0022524 ngày 05-11-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, Anh T được nhận lại 2.200.000 đồng.

Bà P, bà Ba, anh V và anh V phải chịu 1.425.000 (một triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn) đồng trong phạm vi di sản do ông S để lại.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án dân sự hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND TTN;
- Phòng KTNV.TAT;
- TAND huyện, thành phố;
- Chi cục THADS huyện, thành phố;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã kí

Trần Tuấn Vũ